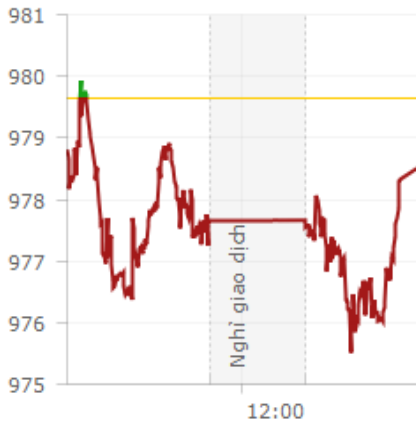


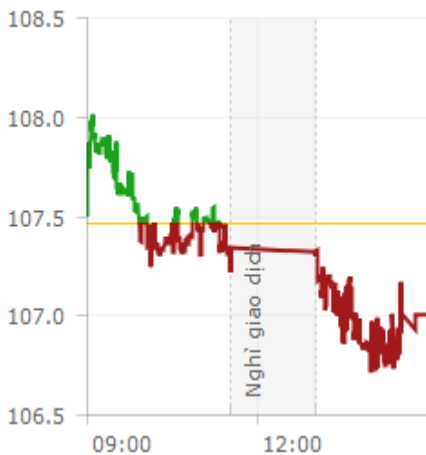
BIẾN ĐỘNG CHỈ SỐ VÀ XU THẾ

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG VÀ KHUYẾN NGHỊ 02/05/2019

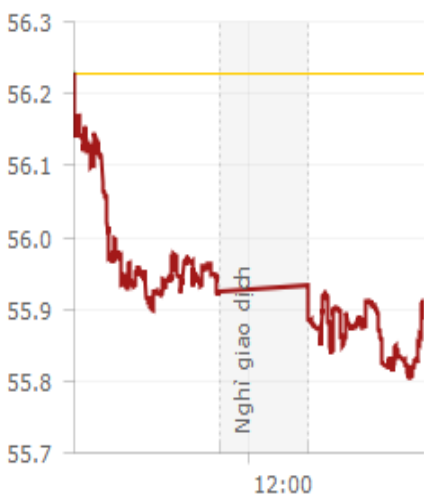
Vn-index: 1.14 điểm (0.12%)



Hnx-index: 0.46 điểm (0.43%)



Upcom-index: 0.33 điểm (0.58%)



Đỏ Điểm Trong Phiên Giao Dịch Đầu Tiên Sau Kỳ Nghỉ Lễ

Tổng hợp: (Phiên giao dịch ngày 02/05/2019). Lực cầu gia tăng cuối phiên giúp VN30-Index tăng theo, nhưng cả 2 chỉ số chính trên thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn đỏ điểm. Kết thúc phiên giao dịch, VN-Index giảm nhẹ 1,14 điểm (-0,12%) xuống 978,5 điểm với khối lượng giao dịch đạt 152,2 triệu CP, trị giá 3.356,53 tỷ đồng; HNX-Index giảm 0,64 điểm (-0,43%) xuống 107 điểm với khối lượng giao dịch đạt 31 triệu CP, trị giá 385,85 tỷ đồng.

Thanh khoản: Thanh khoản phiên hôm nay cải thiện đáng kể so với phiên cuối tuần trước, nhưng vẫn duy trì ở mức thấp. Tổng khối lượng giao dịch trên 2 sàn đạt 183,2 triệu CP, trị giá 3.742,38 tỷ đồng, trong đó giao dịch thỏa thuận chiếm 29,23 triệu CP, trị giá 815,78 tỷ đồng. Đáng chú ý có giao dịch thỏa thuận của 6,64 triệu CP ROS trị giá 209,2 tỷ đồng; 6,88 triệu CP GEX trị giá 158,3 tỷ đồng; 4,45 triệu CP TCB trị giá 114,9 tỷ đồng; 337 nghìn CP SAB trị giá 81,5 tỷ đồng; 1,42 triệu CP HPG trị giá 44,86 tỷ đồng; 2,56 triệu CP TCB trị giá 40,6 tỷ đồng ...

Điểm nhấn: Sau kỳ nghỉ lễ 30/4 và 1/5 kéo dài, TTCK Việt Nam bước vào phiên giao dịch đầu tiên với nhịp độ khá chậm. Việc TTCK Mỹ giảm điểm trong đêm qua, cùng với tâm lý "sell in May" đang ảnh hưởng không nhỏ tới diễn biến trên thị trường. Điều đó khiến cho sắc đỏ hoàn toàn chiếm ưu thế trong phiên giao dịch đầu tiên của tháng 5 hôm nay. Trong đó, nguyên nhân chính là nhóm CP Bluechips vốn hóa lớn như VHM, POW, BVH, HCM, VCG...cùng với các cổ phiếu lớn đầu ngành ngân hàng như ACB, BID, CTG, VCB, VPB, HDB, TCB...đã đồng loạt giảm điểm, tạo áp lực lớn lên thị trường. Đáng chú ý nhất là mã BVH dư bán hơn triệu CP giá sàn suốt từ phiên sáng đến hết phiên. Còn ở nhóm ngân hàng, thì có tới 11/17 mã giảm điểm; KLB giảm 3,8%, NVB giảm 2,2%, VIB giảm 1,6%. VCB, TCB, CTG, NVL giảm 1-1,5%...Ngoài ra, các dòng CP chứng khoán, bất động sản, xây dựng, dệt may nhìn chung cũng giao dịch không thực sự tích cực.

Ở chiều ngược lại, có tín hiệu tích cực được cải thiện về cuối phiên trong nhóm rổ VN30. Đơn cử như CII tăng 3,5% lên 23.700 đồng, PNJ tăng 2,9% lên 103.000 đồng, DHG, VJC tăng 2,2%, SAB, MSN, EIB, MWG, EIB, VRE tăng 1,1-1,9%. Bên cạnh đó, điểm sáng là nhóm CP khí tiếp tục là tâm điểm thu hút dòng tiền với nhiều mã bứt phá mạnh trong phiên hôm nay như GAS, PVS, PVD, PVB, PVT... Trên TTCK Phái sinh, khoảng cách giữa các HĐTL và VN30 Index vẫn khá lớn, từ 16,27 điểm đến 26,87 điểm cho thấy tâm lý của giới đầu tư vẫn khá thận trọng.

Khối ngoại: Thị trường điều chỉnh, nhưng điểm sáng là khối ngoại vẫn duy trì phiên mua ròng thứ 2 liên tiếp. Trong đó, các cổ phiếu được mua ròng mạnh nhất gồm VRE (23,65 tỷ đồng), MSN (18,37 tỷ đồng), VJC (15,57 tỷ đồng).... Trên HoSE, khối ngoại bán ròng 1,22 triệu cổ phiếu, nhưng xét về giá trị họ

Phân tích kỹ thuật Vn-index

Xu thế ngắn hạn: Tích lũy
Xu thế trung hạn: Điều chỉnh
Xu thế dài hạn: Tăng

Phân tích kỹ thuật Hnx-index

Xu thế ngắn hạn: Tích lũy
Xu thế trung hạn: Điều chỉnh
Xu thế dài hạn: Tăng

Vn-index: Biểu đồ 6 Tháng



Hnx-index: Biểu đồ 6 Tháng



vẫn mua ròng 45,52 tỷ đồng. Trên HNX, khối ngoại cũng bán ròng 600 nghìn cổ phiếu, tương ứng giá trị 6,19 tỷ đồng.

Nhóm ngành: Đồng thuận giảm điểm trong phiên giao dịch ngày hôm nay, tuy nhiên lực giảm điểm khá nhẹ nên không nhấn chìm được nhóm ngành ngập chìm trong sắc đỏ. Cụ thể, chỉ có 4/18 nhóm ngành đỏ điểm, giảm sâu nhất là nhóm bảo hiểm với (-6,06%), theo sau đó là nhóm truyền thông, ngân hàng và DVTC với mức giảm lần lượt là (-0,82%), (-0,51%) và (-0,17%). Ở chiều tăng điểm, dẫn đầu là nhóm du lịch tăng 2,56%, theo sau là nhóm bán lẻ tăng 2,49%, có mức tăng từ 1-2% là nhóm TNCB, y tế, dầu khí, CNTT...

Nhóm CP VN30: Nhóm VN30 nhận được lực cầu khá tốt về cuối phiên giúp chỉ số VN30 đóng cửa trong sắc xanh, đi ngược lại xu hướng đỏ điểm của thị trường. Trong đó, SAB tăng 1,88%. MSN tăng 1,84. GAS tăng 1,06%. PNJ tăng 2,9%... Ngoài ra, cũng có một số mã lớn khác tăng giá như VRE, VNM, PLX, HPG, VJC, MBB, MWG, FPT... hỗ trợ cho VN-Index hạn chế mức giảm. Trong đó, VJC tăng mạnh 2,24%, VRE tăng 1,25%, HPG tăng 1,19%.

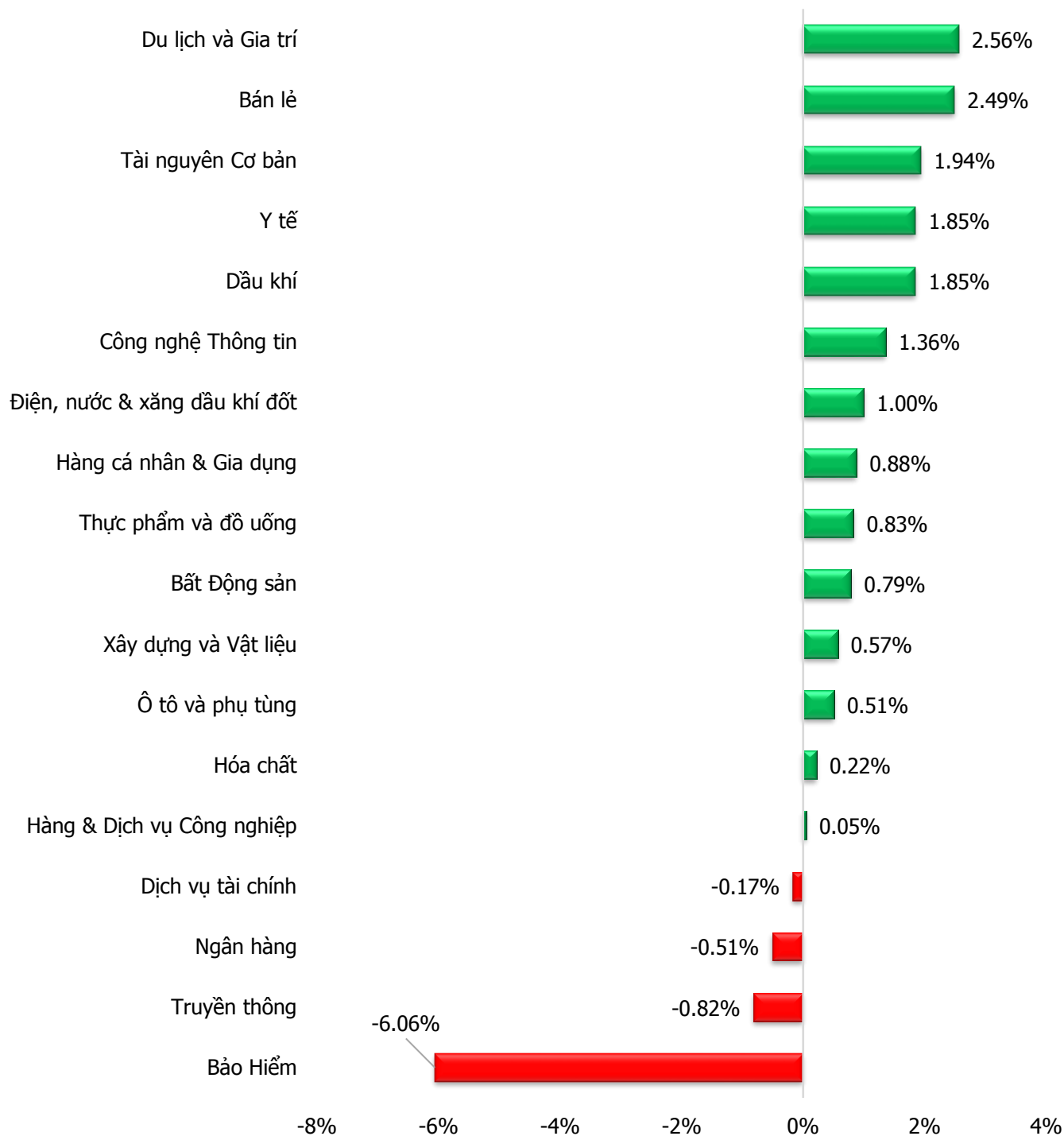
Nhóm CP thanh khoản: ROS là mã có thanh khoản tốt nhất sàn với hơn 10 triệu đơn vị được khớp, nhưng đóng cửa giảm nhẹ 0,65% xuống 30.650 đồng. Đứng thứ 2 là VHG giảm 3,4% với 6,4 triệu CP được khớp, FLC đứng thứ 3 với 5,7 triệu CP giao dịch và cũng giảm 1,4%. Trong khi đó, PVD, HSG lại có được sắc xanh với 4,9 triệu và 4,5 triệu CP được khớp.

Diễn biến CP CSI: Cú lội ngược dòng khá ấn tượng của mã CSI trong phiên hôm nay, trong phiên CSI giảm sàn về mức 23.800 đồng nhưng về cuối phiên lại bật ngược tăng 2,2% lên 28.500 đồng với khối lượng đạt 400 CP. Đây cũng là phiên tăng điểm thứ 3 liên tiếp của mã CP này.

KHUYẾN NGHỊ ĐẦU TƯ: Phiên giao dịch đầu tiên trên thị trường chứng khoán Việt Nam sau kỳ nghỉ lễ chưa được tích cực với sắc đỏ hiện diện trên cả 2 chỉ số. Biên độ giảm điểm và thanh khoản vẫn duy trì ở mức thấp mà chưa có sự đột phá nào, cho thấy xu hướng chính của thị trường vẫn là đi ngang trong biên độ khá hẹp. Các yếu tố kỹ thuật cũng phản ánh chiều hướng trên với hầu hết các chỉ báo có xu hướng hội tụ lại. Diễn biến giằng co và đi ngang khiến cho tâm lý của nhà đầu tư cũng trở nên thận trọng và phân vân hơn. Vì vậy, giữ tỷ trọng CP ở mức vừa phải nhằm kiểm soát độ rủi ro vẫn là ưu tiên hàng đầu trong giai đoạn hiện nay, chỉ gia tăng thêm tỷ trọng CP khi thị trường đã phát đi những tín hiệu bất phá mạnh mẽ từ biên độ cũng như khối lượng giao dịch.

BIẾN ĐỘNG GIÁ CỔ PHIẾU THEO NHÓM NGÀNH

Biến động giá theo ngành



NHÓM CÁC CỔ PHIẾU CÓ GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

HOSE TOP TĂNG GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
TCO	9,950	650	6.99%	210
MDG	11,500	750	6.98%	2,120
SJF	4,320	280	6.93%	2,483,250
VDP	33,250	2,150	6.91%	500
SZL	38,900	2,500	6.87%	116,250

HNX TOP TĂNG GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
PPP	11,000	1,000	10.00%	227
SJC	2,300	200	9.52%	300
VLA	17,400	1,500	9.43%	100
ONE	4,700	400	9.30%	200
HLY	20,000	1,700	9.29%	700

HOSE TOP GIẢM GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
BVH	82,400	-6,200	-7.00%	164,290
THI	34,700	-2,600	-6.97%	120
UIC	36,200	-2,700	-6.94%	1,140
SVT	6,310	-470	-6.93%	10
CMG	28,300	-2,100	-6.91%	324,630

HNX TOP GIẢM GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
NHP	700	-100	-12.50%	130,600
PVV	800	-100	-11.11%	337,309
HKB	900	-100	-10.00%	270,500
CKV	16,200	-1,700	-9.50%	2,000
TFC	5,000	-500	-9.09%	13,500

HOSE TOP KHỐI LƯỢNG GD ĐỘT BIẾN

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
ROS	30,650	-200	-0.65%	10,066,220
VHG	1,420	-50	-3.40%	6,423,270
FLC	4,810	-70	-1.43%	5,726,050
PVD	19,500	550	2.90%	4,904,560
HSG	8,350	350	4.38%	4,547,830

HNX TOP KHỐI LƯỢNG GD ĐỘT BIẾN

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
PVS	23,900	600	2.58%	5,125,625
SHB	7,500	0	0.00%	3,938,332
BII	1,300	100	8.33%	2,077,759
HUT	3,500	-100	-2.78%	2,074,383
VGC	20,000	500	2.56%	1,751,030

HOSE TOP GIÁ TRỊ GD NHIỀU NHẤT

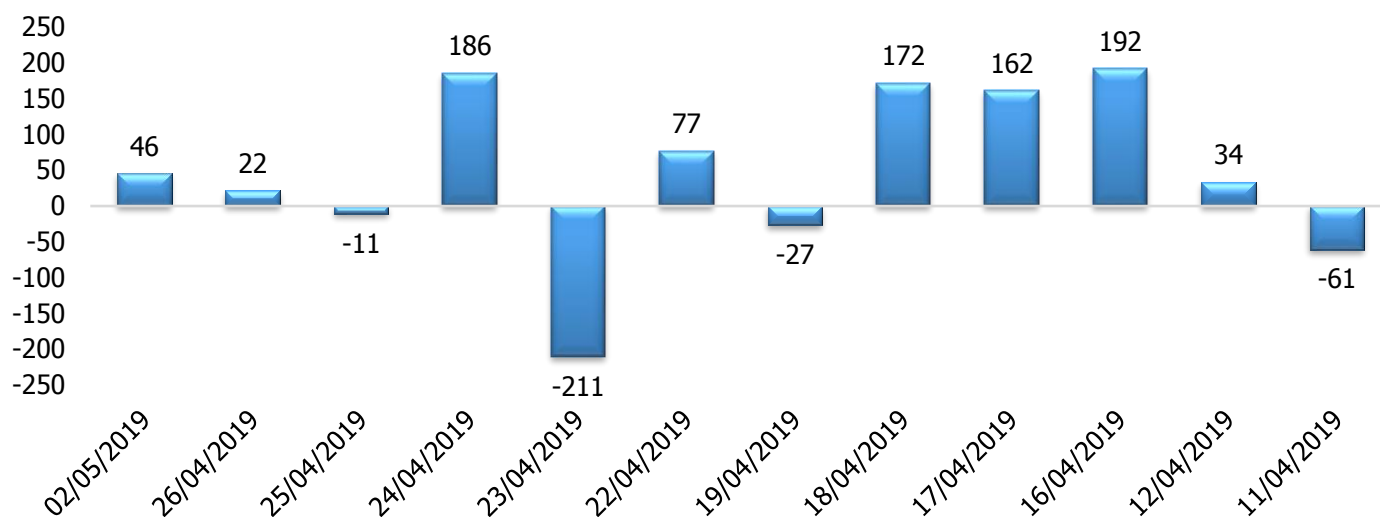
Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
ROS	30,650	-200	-0.65%	10,066,220
VHG	1,420	-50	-3.40%	6,423,270
FLC	4,810	-70	-1.43%	5,726,050
PVD	19,500	550	2.90%	4,904,560
HSG	8,350	350	4.38%	4,547,830

HNX TOP GIÁ TRỊ GD NHIỀU NHẤT

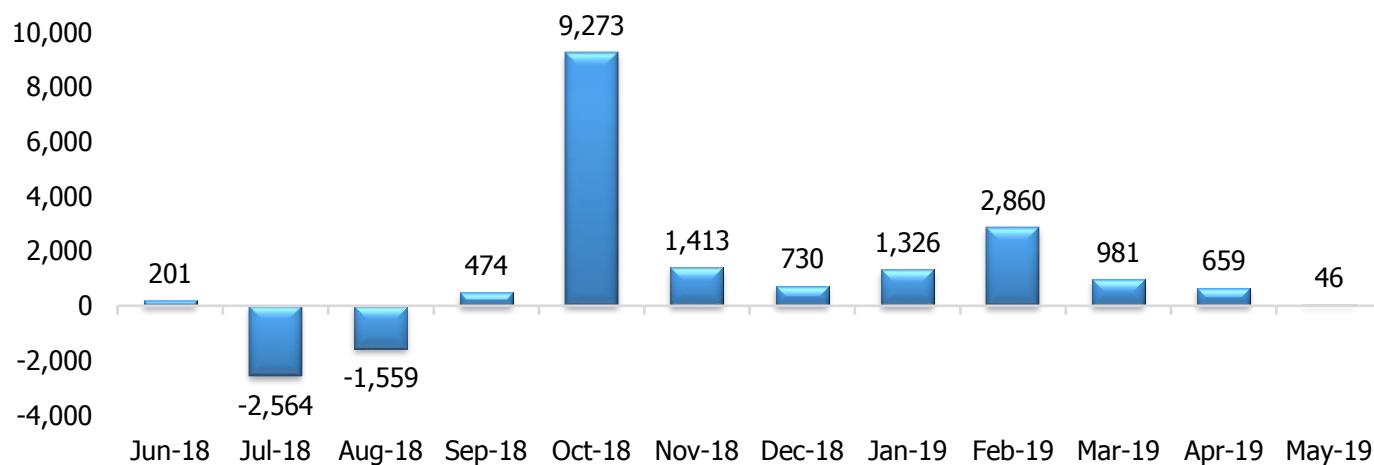
Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
PVS	23,900	600	2.58%	5,125,625
SHB	7,500	0	0.00%	3,938,332
BII	1,300	100	8.33%	2,077,759
HUT	3,500	-100	-2.78%	2,074,383
VGC	20,000	500	2.56%	1,751,030

GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài 12 phiên gần nhất (tỷ vnd)



Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài 12 tháng gần nhất (tỷ vnd)



HOSE TOP MUA-BÁN RÒNG

Top mua ròng		Top bán ròng	
Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)	Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)
VRE	23.65	VNM	-14.96
MSN	18.37	VCB	-11.89
VJC	15.57	AAA	-11.87
HPG	13.65	HDB	-9.52
CRE	9.10	VIC	-3.98

HNX TOP MUA-BÁN RÒNG

Top mua ròng		Top bán ròng	
Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)	Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)
VTP	7.34	ACV	-1.98
BSR	5.30	FOX	-1.41
GEG	1.98	QNS	-1.18
VGG	0.87	LPB	-0.75
MCH	0.35	SDI	-0.56

DANH MỤC MỘT SỐ QUỸ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI LỚN TẠI VIỆT NAM

Vina Capital (VOF)												
STT	Ma CP	% Phân bổ	Vốn hóa	Gía trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDBQ 6T	Gía hiện tại	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ vnd	vnd	vnd	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn vnd	%
1	HPG	13.40%	71,363	19,811	3,843	16.4%	26.8%	8.74	1.70	4,896,824	34,000	-12.08%
2	VNM	10.90%	226,035	14,805	5,872	28.5%	38.9%	22.10	8.77	1,071,047	130,000	-11.36%
3	ACV	9.00%	179,949	14,100	2,818	11.1%	20.3%	29.33	5.86	114,124	83,700	-5.57%
4	KDH	6.30%	12,835	16,579	1,952	5.5%	8.5%	15.88	1.87	396,435	31,000	-9.51%
5	PNJ	6.10%	16,717	24,193	6,427	18.8%	28.3%	15.57	4.14	302,413	103,000	-8.23%
6	VJC	4.70%	62,773	25,917	9,850	15.1%	45.4%	11.77	4.47	905,716	118,500	-25.51%
7	QNS	3.20%	12,283	18,295	4,239	14.7%	23.7%	9.90	2.29	286,674	42,000	2.34%
8	EIB	3.10%	20,900	12,106	535	0.9%	8.6%	31.80	1.40	4,710,236	17,250	16.84%
9	CTD	3.00%	9,227	107,381	18,125	11.2%	22.5%	6.66	1.12	179,971	120,500	-6.26%
10	PVS	2.60%	11,137	24,839	2,191	3.1%	6.0%	10.63	0.94	3,813,868	23,900	35.46%
Tổng		62.80%										

Dragon Capital (VEIL)												
STT	Ma CP	% Phân bổ	Vốn hóa	Gía trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDBQ 6T	Gía hiện tại	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ vnd	vnd	vnd	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn vnd	%
1	ACB	7.20%	37,540	17,947	4,297	1.2%	21.5%	7.01	1.68	2,826,519	29,700	-14.74%
2	MWG	7.20%	37,606	20,266	6,491	12.2%	41.3%	13.08	4.19	619,265	86,000	12.30%
3	MBB	7.07%	46,072	16,338	3,029	1.4%	14.9%	7.20	1.33	5,260,166	21,900	-6.50%
4	VNM	6.27%	226,035	14,805	5,872	28.5%	38.9%	22.10	8.77	1,071,047	130,000	-11.36%
5	KDH	5.13%	12,835	16,579	1,952	5.5%	8.5%	15.88	1.87	396,435	31,000	-9.51%
6	HPG	4.04%	71,363	19,811	3,843	16.4%	26.8%	8.74	1.70	4,896,824	34,000	-12.08%
7	FPT	4.00%	30,554	20,278	4,270	11.7%	23.0%	11.60	2.44	762,747	49,850	8.77%
8	GAS	3.94%	215,894	23,050	6,543	17.5%	25.7%	17.24	4.89	564,461	114,000	0.19%
9	ACV	3.59%	179,949	14,100	2,818	11.1%	20.3%	29.33	5.86	114,124	83,700	-5.57%
10	VJC	3.37%	62,773	25,917	9,850	15.1%	45.4%	11.77	4.47	905,716	118,500	-25.51%
Tổng		51.81%										

Dragon Capital (VEF)												
STT	Ma CP	% Phân bổ	Vốn hóa	Gía trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDBQ 6T	Gía hiện tại	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ vnd	vnd	vnd	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn vnd	%
1	VPB	14.23%	46,801	14,727	2,718	2.6%	24.1%	7.01	1.29	3,402,923	18,950	-41.95%
2	MWG	13.30%	37,606	20,266	6,491	12.2%	41.3%	13.08	4.19	619,265	86,000	12.30%
3	PNJ	8.57%	16,717	24,193	6,427	18.8%	28.3%	15.57	4.14	302,413	103,000	-8.23%
4	FPT	4.88%	30,554	20,278	4,270	11.7%	23.0%	11.60	2.44	762,747	49,850	8.77%
5	MBB	4.79%	46,072	16,338	3,029	1.4%	14.9%	7.20	1.33	5,260,166	21,900	-6.50%
6	DHG	4.63%	15,153	23,014	4,726	14.3%	21.0%	24.53	5.04	271,604	118,500	18.61%
7	CTD	4.60%	9,227	107,381	18,125	11.2%	22.5%	6.66	1.12	179,971	120,500	-6.26%
8	CII	4.18%	5,673	20,137	336	-0.1%	-0.2%	68.22	1.14	1,030,126	23,700	-30.18%
9	CTI	3.52%	1,540	19,664	1,967	3.1%	9.6%	12.43	1.24	969,450	24,450	-21.13%
10	VCI	3.41%	5,752	22,191	4,261	13.6%	28.3%	8.29	1.59	195,044	35,200	-44.51%
Tổng		62.80%										

VNM ETF												
STT	Ma CP	% Phân bổ	Vốn hóa	Gía trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDQB 6T	Gía hiện tại	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ vnd	vnd	vnd	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn vnd	%
1	VIC	6.90%	362,887	16,793	1,153	1.6%	5.8%	98.61	6.77	832,208	113,600	8.33%
2	NVL	6.62%	55,393	20,781	3,443	3.7%	13.6%	17.17	2.84	1,112,494	58,500	-10.59%
3	VNM	8.29%	226,035	14,805	5,872	28.5%	38.9%	22.10	8.77	1,071,047	130,000	-11.36%
4	VCB	5.44%	251,833	19,661	4,372	1.2%	20.3%	15.53	3.45	1,216,815	66,900	18.17%
5	MSN	5.47%	101,078	25,970	4,485	8.9%	26.1%	19.37	3.35	1,666,882	88,500	-2.58%
6	ROS	3.86%	17,510	10,331	328	7.6%	14.0%	93.96	2.99	4,751,218	30,650	-53.95%
7	HPG	4.89%	71,363	19,811	3,843	16.4%	26.8%	8.74	1.70	4,896,824	34,000	-12.08%
8	Mani	4.77%	106	12,420	709	6.5%	8.8%	9.87	0.56	7,450	6,900	-6.96%
9	SSI	4.16%	13,137	17,850	2,558	6.6%	14.4%	10.08	1.45	1,695,676	25,600	-23.57%
10	Eclat	4.21%	24	16,900	1,906	6.8%	9.5%	7.24	0.82	3,241	13,800	20.71%
11	BVH	3.52%	62,099	21,076	1,590	1.3%	8.4%	55.72	4.20	93,464	82,400	-3.50%
12	Synopex	2.44%	867	13,232	1,505	8.2%	9.6%	8.59	0.98	55,286	12,900	43.68%
13	SOCO	3.68%	5,986	12,047	1,238	2.7%	6.3%	12.84	1.32	5,161	15,000	36.18%
14	RMIL	2.24%	11	10,711	1,163	0.0%	0.0%	8.60	0.93	146	10,000	0.00%
15	Hansae	4.06%	1,185	11,559	732	0.0%	0.0%	11.47	0.73	6	8,400	-24.01%
16	VCG	1.85%	12,191	15,246	1,115	6.1%	16.7%	24.76	1.81	2,476,102	27,400	59.27%
17	STB	1.83%	21,554	14,125	1,241	0.4%	6.3%	9.63	0.85	4,433,382	11,900	-10.49%
18	SBT	2.31%	9,558	10,539	528	3.0%	8.0%	34.47	1.73	2,589,944	18,300	12.75%
19	TCH	2.35%	7,560	12,184	737	7.8%	8.7%	29.04	1.76	832,129	21,400	-10.99%
20	MCNEX	1.24%	20	0	-2,371	0.0%	0.0%	-2.36	0.00	0	5,600	5.66%
21	KDC	0.09%	4,195	29,489	298	-0.2%	-0.2%	68.43	0.69	89,861	20,300	-40.20%
22	DPM	1.26%	7,044	20,201	1,460	5.9%	7.8%	12.33	0.89	523,404	18,050	2.09%
23	NT2	1.23%	7,816	13,415	2,520	8.4%	18.5%	10.77	2.02	193,391	27,200	10.57%
24	HKG	0.07%	52	7,157	-2,785	10.0%	14.3%	-0.36	0.14	54,957	900	-52.38%
25	DCMI	0.19%	4,632	11,787	1,239	3.9%	7.8%	7.06	0.74	585,378	8,600	-19.70%
26	U.S.Dollar	-0.17%	445	14,538	2,059	7.3%	14.5%	7.04	1.00	5,934	14,400	20.98%
27	VRE	5.29%	83,837	12,483	1,064	5.6%	7.9%	33.85	2.88	3,244,216	36,450	-3.07%
Tổng		100%										

FTSE Vietnam Index ETF												
STT	Ma CP	% Phân bổ	Vốn hóa	Gía trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDQB 6T	Gía hiện tại	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ vnd	vnd	vnd	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn vnd	%
1	HPG	15.60%	71,363	19,811	3,843	16.4%	26.8%	8.74	1.70	4,896,824	34,000	-12.08%
2	VIC	15.41%	362,887	16,793	1,153	1.6%	5.8%	98.61	6.77	832,208	113,600	8.33%
3	MSN	15.32%	101,078	25,970	4,485	8.9%	26.1%	19.37	3.35	1,666,882	88,500	-2.58%
4	VNM	12.55%	226,035	14,805	5,872	28.5%	38.9%	22.10	8.77	1,071,047	130,000	-11.36%
5	VCB	6.80%	251,833	19,661	4,372	1.2%	20.3%	15.53	3.45	1,216,815	66,900	18.17%
6	NVL	5.84%	55,393	20,781	3,443	3.7%	13.6%	17.17	2.84	1,112,494	58,500	-10.59%
7	ROS	5.14%	17,510	10,331	328	7.6%	14.0%	93.96	2.99	4,751,218	30,650	-53.95%
8	PVS	5.10%	11,137	24,839	2,191	3.1%	6.0%	10.63	0.94	3,813,868	23,900	35.46%
9	SSI	4.08%	13,137	17,850	2,558	6.6%	14.4%	10.08	1.45	1,695,676	25,600	-23.57%
10	STB	2.88%	21,554	14,125	1,241	0.4%	6.3%	9.63	0.85	4,433,382	11,900	-10.49%
Tổng		88.72%										

MSCI Frontier Markets Index												
STT	Ma CP	% Phân bổ	Vốn hóa	Gía trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGD BQ 6T	Gía hiện tại	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ vnd	vnd	vnd	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn vnd	%
1	VNM	5.65%	226,035	14,805	5,872	28.5%	38.9%	22.10	8.77	1,071,047	130,000	-11.36%
2	VIC	2.76%	362,887	16,793	1,153	1.6%	5.8%	98.61	6.77	832,208	113,600	8.33%
3	MSN	1.81%	101,078	25,970	4,485	8.9%	26.1%	19.37	3.35	1,666,882	88,500	-2.58%
4	HPG	1.43%	71,363	19,811	3,843	16.4%	26.8%	8.74	1.70	4,896,824	34,000	-12.08%
5	ROS	0.63%	17,510	10,331	328	7.6%	14.0%	93.96	2.99	4,751,218	30,650	-53.95%
6	NVL	0.58%	55,393	20,781	3,443	3.7%	13.6%	17.17	2.84	1,112,494	58,500	-10.59%
7	VRE	0.48%	83,837	12,483	1,064	5.6%	7.9%	33.85	2.88	3,244,216	36,450	-3.07%
8	SSI	0.45%	13,137	17,850	2,558	6.6%	14.4%	10.08	1.45	1,695,676	25,600	-23.57%
9	STB	0.32%	21,554	14,125	1,241	0.4%	6.3%	9.63	0.85	4,433,382	11,900	-10.49%
10	SAB	0.28%	153,394	23,463	6,514	22.0%	30.1%	36.72	10.19	89,028	243,700	10.88%
11	PVS	0.20%	11,137	24,839	2,191	3.1%	6.0%	10.63	0.94	3,813,868	23,900	35.46%
12	SBT	0.19%	9,558	10,539	528	3.0%	8.0%	34.47	1.73	2,589,944	18,300	12.75%
13	HSG	0.15%	3,386	12,223	355	3.1%	13.4%	22.57	0.65	3,906,984	8,350	-38.74%
14	TCH	0.14%	7,560	12,184	737	7.8%	8.7%	29.04	1.76	832,129	21,400	-10.99%
15	DPM	0.13%	7,044	20,201	1,460	5.9%	7.8%	12.33	0.89	523,404	18,050	2.09%
16	KBC	0.10%	6,788	19,232	1,569	2.8%	4.8%	9.21	0.75	2,795,442	13,800	15.60%
Tổng		15.3%										

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

	Cổ phiếu	Gía Mua cao nhất	Gía Bán cao nhất	Cắt lỗ	Gía đóng cửa	Vùng Mua dự kiến	Vùng Bán dự kiến	Ngày Mua	Ngày Bán	Lợi nhuận	Cập nhật
Danh Mục Khuyến Nghị Mua	HT1	16.9	18.7	15.4	17.10	16.70					Chờ khớp
	PNJ	102.5	113.7	93.4	103.00	101.50					Chờ khớp
	NDN	13.1	14.6	12.0	13.20	13.00					Chờ khớp
	SAS	27.0	29.9	24.6	27.20	26.70					Chờ khớp
Danh Mục Đang Nắm Giữ	FTS	7.1	7.8	6.4	7.05	7.00		02/05/2019		0.7%	Nắm giữ
	TCW	21.8	24.2	19.9	22.00	21.60		26/04/2019		1.9%	Nắm giữ
	DPG	60.5	67.1	55.1	61.00	59.90		26/04/2019		1.8%	Nắm giữ
	NTP	37.6	41.7	34.2	36.90	37.20		24/04/2019		-0.8%	Nắm giữ
	TLH	5.7	6.3	5.2	5.2	5.6		18/04/2019		-6.4%	Cần bán
	VCS	65.7	72.8	59.8	63.5	65.0		22/04/2019		-2.3%	Cần bán
	BID	35.2	39.1	32.1	34.5	34.9		17/04/2019		-1.1%	Nắm giữ
	HT1	16.2	17.9	14.7	17.1	16.0		16/04/2019		6.9%	Nắm giữ
	NTL	21.1	23.4	19.2	24.0	20.9		16/04/2019		14.6%	Nắm giữ
	CTS	9.6	10.6	8.7	9.6	9.5		12/04/2019		1.3%	Nắm giữ
	GAS	106.6	118.2	97.1	114.0	105.5		04/09/2019		8.1%	Nắm giữ
	C32	30.7	34.0	28.0	31.1	30.4		04/05/2019		2.3%	Nắm giữ

	TV2	132.3	146.7	120.5	142.9	131.0		04/04/2019		9.1%	Nắm giữ
	EVE	16.5	18.3	15.0	15.3	16.3		29/03/2019		-6.1%	Cần bán
	DHC	34.2	38.0	31.2	40.6	33.9		20/03/2019		19.8%	Nắm giữ
	SMB	33.8	37.5	30.8	33.3	33.5		20/03/2019		-0.7%	Nắm giữ
	SFG	13.4	14.9	12.2	15.0	13.3		19/03/2019		12.8%	Nắm giữ
	KHP	10.1	11.2	9.2	10.2	10.0		03/08/2019		2.0%	Nắm giữ
	PVO	4.6	5.2	4.2	4.4	4.6		03/07/2019		-4.3%	Nắm giữ
	FCM	7.3	8.1	6.7	7.4	7.3		26/02/2019		1.7%	Nắm giữ
	LTG	23.8	26.4	21.7	24.7	23.6		21/02/2019		4.7%	Nắm giữ
	OPC	46.7	51.7	42.5	49.0	46.2		25/12/2018		6.1%	Nắm giữ
	PVI	33.8	37.5	30.8	38.8	33.5	39.2	19/02/2019	04/10/2019	17.0%	Đã bán
	D2D	103.0	114.2	93.8	114.0	102.0	116.0	04/02/2019	18/04/2019	13.7%	Đã bán
	CAP	39.4	43.7	35.9	42.0	39.0	42.5	18/02/2019	19/04/2019	9.0%	Đã bán
	ACL	38.2	42.3	34.8	37.0	37.8	39.6	04/05/2019	04/10/2019	4.6%	Đã bán
	AAA	17.3	19.2	15.7	18.0	17.1	18.1	04/02/2019	18/04/2019	5.8%	Đã bán
	MSR	19.7	21.8	17.9	20.3	19.5	20.5	03/06/2019	18/04/2019	5.1%	Đã bán
	CII	24.1	26.8	22.0	24.45	23.90	24.5	28/02/2019	04/11/2019	2.5%	Đã bán
	IDI	8.7	9.6	7.9	8.5	8.6	8.6	12/04/2019	23/04/2019	0.0%	Đã bán
	PTB	65.7	72.8	59.8	64.0	65.0	64.2	04/09/2019	24/04/2019	-1.2%	Đã bán
	PVS	23.0	25.5	21.0	22.3	22.8	22.4	04/09/2019	19/04/2019	-1.8%	Đã bán
Danh Mục Đã Bán	ILS	15.2	16.8	13.8	14.5	15.0	14.9	04/10/2019	23/04/2019	-0.7%	Đã bán
	XPH	5.7	6.3	5.2	5.2	5.6	5.2	15/03/2019	02/05/2019	-7.1%	Đã bán
	VGG	69.2	76.7	63.0	64.3	68.5	64.5	17/04/2019	23/04/2019	-5.8%	Đã bán
	PDR	29.5	32.7	26.9	28.4	29.2	28.5	04/09/2019	19/04/2019	-2.4%	Đã bán
	RAL	89.9	99.7	81.9	83.1	89.0	85.0	22/03/2019	19/04/2019	-4.5%	Đã bán
	VEA	53.1	58.9	48.4	48.5	52.6	49.7	27/03/2019	04/09/2019	-5.5%	Đã bán
	NDN	13.6	15.1	12.4	12.8	13.5	13.0	04/05/2019	18/04/2019	-3.7%	Đã bán
	HDG	43.6	48.4	39.7	42.0	43.2	42.0	04/09/2019	18/04/2019	-2.8%	Đã bán
	DBC	24.6	27.3	22.4	22.4	24.4	22.4	04/09/2019	18/04/2019	-2.1%	Đã bán
	VPH	6.6	7.3	6.0	6.2	6.5	6.4	04/04/2019	17/04/2019	-2.3%	Đã bán
	HAG	5.7	6.3	5.2	5.2	5.6	5.3	27/03/2019	04/11/2019	-5.4%	Đã bán
	L14	42.4	47.0	38.6	39.9	42.0	40.2	04/08/2019	04/11/2019	-4.3%	Đã bán
	KSB	27.9	30.9	25.4	26.7	27.6	26.7	04/08/2019	04/11/2019	-3.3%	Đã bán
	KDH	32.5	36.1	29.6	31.5	32.2	31.6	04/08/2019	04/10/2019	-1.9%	Đã bán
	CTD	139.5	154.7	127.1	130.9	138.1	128.0	03/11/2019	04/10/2019	-7.3%	Đã bán
	SHI	6.5	7.2	5.9	8.6	6.4	8.6	12/12/2018	22/02/2019	34.2%	Đã bán
	HCM	45.3	50.3	41.3	28.0	44.9	29.5	23/01/2019	25/02/2019	26.7%	Đã bán
	TTF	3.0	3.4	2.8	3.8	3.0	3.8	26/02/2019	22/03/2019	25.0%	Đã bán
	LCG	8.6	9.5	7.8	10.3	8.5	10.5	18/01/2019	14/03/2019	23.5%	Đã bán
	SLS	49.5	54.9	45.1	56.8	49.0	57.0	03/04/2019	19/03/2019	16.3%	Đã bán
	TDH	10.2	11.3	9.3	11.6	10.1	11.9	25/01/2019	22/03/2019	17.8%	Đã bán
	DHA	30.7	34.0	28.0	34.2	30.4	34.5	23/11/2018	03/08/2019	13.5%	Đã bán

LGL	8.2	9.1	7.5	9.1	8.1	9.2	14/03/2019	22/03/2019	13.6%	Đã bán
GMC	42.5	47.2	38.7	47.3	42.1	47.5	14/02/2019	20/03/2019	12.8%	Đã bán
HVN	34.8	38.6	31.7	38.3	34.5	38.3	03/01/2019	20/02/2019	11.0%	Đã bán
TMS	24.3	27.0	22.2	26.5	24.1	26.5	27/12/2018	27/02/2019	10.0%	Đã bán
SHS	10.4	11.5	9.5	11.4	10.3	11.5	15/01/2019	03/01/2019	11.7%	Đã bán
INN	29.6	32.8	27.0	31.0	29.3	31.5	21/02/2019	14/03/2019	7.5%	Đã bán
HVN	39.9	44.2	36.3	41.2	39.5	41.5	28/02/2019	22/03/2019	5.1%	Đã bán
NDN	12.4	13.8	11.3	13.3	12.3	13.2	02/11/2019	22/03/2019	7.3%	Đã bán
BCC	7.2	8.0	6.5	7.8	7.1	7.9	19/02/2019	22/03/2019	11.3%	Đã bán
VIB	18.1	20.0	16.5	19.0	17.9	19.0	18/01/2019	22/03/2019	6.1%	Đã bán
VPB	19.7	21.8	17.9	21.0	19.5	21.0	17/01/2019	22/03/2019	7.7%	Đã bán
QNS	40.2	44.6	36.6	42.00	39.8	42.5	20/07/2018	03/01/2019	6.8%	Đã bán
PAN	47.0	52.1	42.8	37.7	46.5	37.7	29/01/2019	25/02/2019	6.6%	Đã bán
TLH	5.2	5.7	4.7	5.31	5.10	5.3	27/02/2019	03/08/2019	4.3%	Đã bán
PTB	59.8	66.3	54.5	60.0	59.2	62.0	28/01/2019	25/02/2019	4.7%	Đã bán
VGT	11.6	12.9	10.6	11.9	11.5	12.0	31/01/2019	22/02/2019	4.3%	Đã bán
LHG	18.8	20.8	17.1	18.9	18.6	19.5	30/01/2019	03/01/2019	4.8%	Đã bán
ACV	86.4	95.8	78.7	86.5	85.5	87.0	14/02/2019	14/03/2019	1.8%	Đã bán
RAL	84.4	93.6	76.9	85.0	83.6	86.5	19/02/2019	20/03/2019	3.5%	Đã bán

LIÊN HỆ TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VNCS: vncs.research@vn-cs.com

Người thực hiện: **Lưu Chí Kháng**
Phó Phòng Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán
Email: khanglec@vn-cs.com

Người thực hiện: **Đỗ Thị Hường**
Trợ lý Phân tích
Email: huongdt@vn-cs.com

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VNCS

Đỗ Bảo Ngọc

Phó Tổng giám đốc & Giám đốc trung tâm nghiên cứu
Email: ngocdb@vn-cs.com

Bộ phận Phân tích Ngành và Doanh nghiệp

Nguyễn Đức Minh

Chuyên viên Phân tích Cao cấp
Email: minhnd@vn-cs.com

Trần Vũ Phương Liên

Chuyên viên phân tích
Email: lientvp@vn-cs.com

Vũ Thùy Dương

Chuyên viên phân tích
Email: duongvt@vn-cs.com

Bộ phận Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Lưu Chí Kháng

P.Phòng Phân tích Kinh tế Vĩ mô và
Thị trường Chứng khoán
Email: khanglec@vn-cs.com

Đỗ Thị Hường

Trợ lý Phân tích
Email: huongdt@vn-cs.com

Hệ Thống Khuyến Nghị: Hệ thống khuyến nghị của CTCP Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (VNCS) được xây dựng dựa trên mức chênh lệch của giá mục tiêu 12 tháng và giá cổ phiếu trên thị trường tại thời điểm đánh giá.

Xếp hạng	Khi (giá mục tiêu – giá hiện tại)/giá hiện tại
MUA	$\geq 20\%$
KHẢ QUAN	Từ 10% đến 20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Từ -10% đến +10%
KÉM KHẢ QUAN	Từ -10% đến - 20%
BÁN	$\leq -20\%$

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Bản quyền năm 2018 thuộc về Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (VNCS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và VNCS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của VNCS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của VNCS.

TRỤ SỞ VNCS

Tầng 3 Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: + 84 24 3926 0099
Webiste: www.vn-cs.com